

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/DS-ST
Ngày: 10- 4 - 2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Ngọc Diệu

Ông Trần Văn Ân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thương - Kiểm sát viên.

Vào ngày 10 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2019/TLST- DS ngày 23 tháng 01 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Kim A, sinh năm: 1982;

Anh Đinh Hồng H, sinh năm: 1973;

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Đinh Hồng H: Chị Võ Thị Kim A (Văn bản ủy quyền ngày 18/02/2019)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1963;

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1967;

Anh Nguyễn Văn Ng, sinh năm: 1990;

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Văn Ng: Bà Nguyễn Thị T (Văn bản ủy quyền ngày 20/02/2019).

(Chị A và bà T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/01/2019, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Võ Thị Kim A đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Đinh Hồng H trình bày:

Vào ngày 09/01/2018 chị A và anh H có cho bà T, ông Đ và anh Ng vay số tiền là 70.000.000 đồng để ông bà trả nợ. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng, mỗi tháng trả 3.500.000 đồng và hứa một năm sau sẽ trả đủ 70.000.000 đồng. Khi cho vay tiền chị A có viết “Giấy mượn tiền” đề ngày 09/01/2018, bên phía bà T, ông Đ và anh Ng có ký vào giấy mượn tiền này. Tuy nhiên, sau khi vay tiền cho đến nay phía gia đình bà T vẫn không đóng lãi và đã hết thời hạn trả nợ nhưng phía ông Đ, bà T và anh Ng vẫn không trả nợ gốc. Vì vậy, chị A và anh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ, bà T và anh Ng có trách nhiệm liên đới trả cho chị và anh H số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ thời điểm vay là ngày 09/01/2018 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa, chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Theo biên bản lấy lời khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị T, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Văn Ng trình bày.

Trong năm 2014 bà T có vay của anh H và chị A 06 lần, nhưng không nhớ cụ thể ngày tháng, các lần vay như sau: 01 lần vay 5.000.000 đồng; 02 lần vay 3.000.000 đồng; 01 lần vay 2.000.000 đồng và 01 lần vay 4.000.000 đồng, tổng cộng là 20.000.000 đồng. Bà T cho rằng đóng lãi được 15.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà T còn cho rằng đầu năm 2018 bà có vay của bà B (là mẹ ruột của chị A) số tiền là 20.000.000 đồng nhưng chị A là người trực tiếp đưa tiền cho bà. Khi vay bà có làm giấy tay về lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng bà đóng lãi cho bà Miên được 30 tháng với tổng số tiền là 30.000.000 đồng, khi đóng lãi cũng không có làm giấy tờ gì. Tại biên bản hòa giải đề ngày 26/3/2019 bà T xác định lại hiện tại bà không còn nợ tiền vay của bà B vì khi bà T đã vay tiền của chị A để trả lại cho bà B. Do vậy, bà xác định bà nợ tiền vay của chị A 20.000.000 đồng chứ không còn nợ bà B nữa và bà cũng tiếp tục đóng lãi cho chị A đến ngày 09/01/2018.

Tất cả các lần vay tiền của chị A nêu trên đều có làm giấy tay do chị A giữ, còn về lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 5%/ tháng, tất cả số tiền bà đóng lãi cho chị A bà đều không có làm giấy tờ.

Ngày 09/01/2018 bà có vay tiếp của anh H và chị A số tiền là 30.000.000 đồng. Lần này chị A cộng với các khoản tiền nợ trước đây là 40.000.000 đồng nên chị A có viết giấy mượn tiền đề ngày 09/01/2018, bà T, ông Đ và anh Ng cùng ký tên vào giấy mượn tiền và có người làm chứng là bà Đinh Thị Đ cùng ký tên vào giấy mượn tiền. Lãi suất hai bên thỏa thuận là 5%/tháng. Bà đóng lãi được 06 tháng với tổng số tiền là 21.000.000 đồng (mỗi lần đóng là 3.500.000 đồng). Tất cả các lần đóng lãi cho chị A và đều không có làm giấy tờ, toàn bộ giấy tay mỗi lần vay đều do chị A giữ, mục đích vay tiền là để chi tiêu sinh hoạt chung cho gia đình.

Đối với yêu cầu của chị A và anh H, phía bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều thừa nhận nợ của anh H và chị A số tiền 70.000.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh gia đình hiện tại đang khó khăn về kinh tế nên bà xin được trả dần mỗi tháng là 500.000 đồng, xin không trả lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của

Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình. Đề nghị hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Kim A và anh Đinh Hồng H. Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Văn Ng liên đới trả số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng, lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 09/01/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngày 11/01/2019 chị Võ Thị Kim A và anh Đinh Hồng H có đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn Ng. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của chị A và anh H vụ án có quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại Điều 463 của Bộ Luật Dân sự năm 2015. Do bà T, ông Đ, anh Ng có nơi cư trú tại xã Y, huyện Giồng Trôm nên vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Vào ngày 09/01/2018 chị A và anh H có cho bà T, ông Đ và anh Ng vay số tiền là 70.000.000 đồng để ông bà trả nợ. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng, mỗi tháng trả 3.500.000 đồng và hứa một năm sau sẽ trả đủ số tiền 70.000.000 đồng. Khi cho vay tiền chị A có viết “Giấy mượn tiền” đề ngày 09/01/2018, bên phía bà T, ông Đ và anh Ng có ký vào giấy mượn tiền này. Chị A và anh H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ, bà T và anh Ng có trách nhiệm liên đới trả cho anh chị số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ thời điểm vay là ngày 09/01/2018 cho đến khi xét xử sơ thẩm, vì cho rằng phía bị đơn chưa thực hiện việc trả lãi và nợ gốc.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Tài liệu chứng cứ chị A và anh H khởi kiện là “Giấy mượn tiền” đề ngày 09/01/2018, do chị A viết có thể hiện nội dung: “... Vào ngày 09/01/2018 gia đình hộ ông Đ có thống nhất ý kiến với nhau lên nhà bà A, ông H mượn số tiền 70.000.000 đồng, với lãi suất 3.500.000 đồng/ tháng. Từ ngày 09/01/2018 đến ngày 09/01/2019 hứa đúng một năm sẽ hoàn lại số tiền...” bên dưới góc phải có chữ ký của bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Văn Ng, bên dưới góc trái có chữ ký anh Đinh Hồng H và chị Võ Thị Kim A, đồng thời có chữ ký của người làm chứng là bà Đinh Thị Dậm. Bị đơn bà T thừa nhận là bà T, ông Đ và anh Ng có ký vào giấy mượn tiền đề ngày 09/01/2018 và xác định hiện tại chưa trả nợ gốc. Việc thừa nhận nợ của bà T là chứng cứ để xác định bà T, ông Đ và anh Ng còn nợ chị A và anh H số tiền gốc 70.000.000 đồng. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Đối với phía bị đơn bà T cho rằng đối những khoản nợ bà vay trước ngày 09/01/2018 là 40.000.000 đồng, bà đã đóng lãi cho chị A 5%/ tháng khi đóng lãi không có làm giấy tờ. Đến ngày 09/01/2018 bà vay tiếp 30.000.000 đồng, cộng chung là 70.000.000 đồng bà tiếp tục đóng lãi được 06 tháng với số tiền 21.000.000

đồng, tất cả các lần đóng lãi cho chị A đều không có làm giấy tờ. Những nội dung trình bày của bà T không được chị A thừa nhận, đồng thời bà T cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Do bà T không chứng minh được việc trả lãi cho anh H, chị A nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Bên phía bị đơn còn có yêu cầu trả số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng, trả dần mỗi tháng là 500.000 đồng cho hết nợ. Do ông Đ, bà T và anh Ng đã vi phạm Ng vụ trả nợ, anh H và chị A không đồng ý cho bên bị đơn trả dần. Do đó, không cơ sở xem xét chấp nhận yêu cầu này.

[5] Đối với yêu cầu tính lãi của chị A và anh H, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng vay giữa hai bên là vay có lãi, có kỳ hạn, hết hạn bên vay chưa trả nợ gốc và lãi nên bên vay phải trả lãi bao gồm, lãi trong hạn, lãi trên nợ lãi, lãi suất quá hạn theo quy định tại Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 5; Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Do đó, chị A và anh H có yêu cầu tính lãi của số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng theo quy định của pháp luật từ thời điểm vay là 09/01/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở chấp nhận.

Do các bên có tranh chấp về lãi suất và chị A và anh H có yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật, nên lãi suất được xác định như sau:

- Lãi suất trong hạn từ ngày 09/01/2018 đến ngày 09/01/2019 là 01 năm x 70.000.000 đồng x 10%/năm = 7.000.000 đồng.

- Trường hợp chậm trả lãi trên nợ gốc thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, kể từ ngày 10/01/2019 đến ngày 10/4/2019 là 03 tháng x 7.000.000 đồng x 10%/năm (0,83%/tháng) = 174.300 đồng.

- Lãi suất trên nợ gốc quá hạn chưa trả được tính từ ngày 10/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (10/4/2019) là 03 tháng x 15%/năm (1,25%/tháng) x 70.000.000 đồng = 2.625.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi tính từ ngày 09/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 9.799.300 đồng.

[6]. Như vậy, tổng cộng nợ gốc và lãi buộc bà T, ông Đ và anh Ng phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị A và anh H với số tiền là 79.799.300 đồng (trong đó có 70.000.000 đồng nợ gốc và 9.799.300 đồng nợ lãi).

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do chị A và anh H được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bà T, ông Đ, anh Ng phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 79.799.300 đồng x 5% = 3.990.000 đồng.

Hoàn trả cho chị A và anh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp

luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Kim A và anh Đinh Hồng H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Văn Ng liên đới trả số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 09/01/2018 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

2. Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Văn Ng liên đới trả chị Võ Thị Kim A và anh Đinh Hồng H số tiền là 79.799.300 đồng (bảy mươi chín triệu, bảy trăm chín mươi chín nghìn, ba trăm đồng). Trong đó gồm 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) nợ gốc và 9.799.300 đồng (chín triệu, bảy trăm chín mươi chín nghìn, ba trăm đồng) nợ lãi.

Kể từ ngày 11/4/2019 cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Văn Ng phải liên đới nộp số tiền là 3.990.000 đồng (ba triệu, chín trăm, chín mươi nghìn đồng).

Hoàn tiền tạm ứng án phí cho chị Võ Thị Kim A và anh Đinh Hồng H đã nộp là 1.918.000 đồng (một triệu, chín trăm, mười tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000158 ngày 23/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Võ Thị Thanh Huệ

